

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 13/7/ 2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Lan Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hùng, ông Trần Quốc Trung.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh T - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tư - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Trần P, sinh năm 1989.

HKTT và trú tại: thôn Xâm Dương 2, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, TP Hà Nội. (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1989.

HKTT: thôn Xâm Dương 2, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

Trú tại: số 40, ngõ 488, đường Trần Cung, phường Cổ Nhuế, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các chứng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Trần P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, anh Phạm Trần P và chị Lê Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 12 năm 2013 tại UBND xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, TP Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do không hợp nhau về tính cách, lối sống. Chị T đã có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Anh P đã cố gắng tha thứ để vợ chồng

tiếp tục chung sống vì con nhưng chị T không thay đổi. Cuộc sống chung của anh P, chị T không còn hạnh phúc, không có năng hàn gắn, đoàn tụ nên anh P đề nghị được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có có một con chung là cháu Phạm Trần P Linh, sinh ngày 27/10/2014. Anh P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Linh cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Từ khi sinh ra cho đến nay cháu Linh đã ở cùng với anh P và ông bà nội. Hết thời kỳ nghỉ thai sản, chị T đi làm đã gửi con cho ông bà nội ở quê nuôi dưỡng, kể từ thời gian đó chị T không thường xuyên gặp gỡ chăm sóc con. Hiện nay cháu Linh không theo mẹ, mỗi lần chị T về thăm và muốn đón cháu đi chơi cháu Linh đều khóc. Thêm vào đó chị T cũng không đảm bảo điều kiện chăm sóc cho cháu về mọi mặt như thời gian chăm sóc, điều kiện chỗ ở. Công việc của chị T thường đi sớm về muộn, khoảng 9,10 giờ tối chị T mới về đến nhà. Ngôi nhà chị T đang ở tại địa chỉ số 40, ngõ 488, đường Trần Cung, phường Cổ Nhuế, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội là tài sản chung của hai vợ chồng, hiện nay đang được rao bán, chị T sẽ không có chỗ ở ổn định để nuôi con. Nếu chị T mang con về nhà ông bà ngoại tại Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội, thì đến chỗ làm rất xa, đi mất khoảng 1 giờ đồng hồ nên chị T không thể đảm bảo thời gian chăm sóc, đưa đón con đi học.

Về phía anh P, hiện nay anh P đang là cán bộ Đội tổng hợp của công an huyện Thanh Trì, TP Hà Nội, mức thu nhập trung bình khoảng 10 triệu đồng/tháng, công việc làm giờ hành chính. Anh P có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ tại thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, TP Hà Nội. Nơi ở gần nơi làm việc nên anh P có điều kiện để đưa đón con đi học và chăm sóc con. Thêm vào đó bố mẹ đẻ anh P đều là cán bộ nghỉ hưu, có nhiều thời gian để phụ giúp anh P trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu Linh.

Về tài sản chung: anh P, chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: anh P, chị T không có khoản vay chung nào, không có ai vay nợ anh P, chị T.

Về phía bị đơn, chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 12 năm 2013 tại UBND xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, TP Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do không hợp nhau về tính cách, lối sống. Chị T không ngoại tình, không có mối quan hệ bất chính nào như anh P trình bày, các quan hệ đó chỉ mang tính chất công việc nhưng anh P không hiểu,

không thông cảm cho chị T. Chị T cảm thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị T đồng ý ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Trần P Linh, sinh ngày 27/10/2014. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Linh cho đến khi trưởng thành và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi. Hiện nay chị T đang làm nhân viên bộ phận dược trung tâm tim mạch bệnh viện E Trung ương, thu nhập trung bình khoảng 10 triệu đồng/tháng. Chị T còn nhiều khoản thu nhập bên ngoài do làm kinh doanh tự do nhưng không chứng minh được điều đó. Công việc của chị T chủ yếu làm giờ hành chính, những công việc làm thêm bên ngoài chị T có thể cắt bớt để có nhiều thời gian chăm sóc con hơn. Nếu được quyền nuôi con, chị T sẽ mang con về sống cùng nhà bố mẹ đẻ tại Xuân Dương, Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội. Chị T sẽ sắp xếp thời gian, công việc để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung: anh P, chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có

Xác minh tại UBND xã Ninh Sở thể hiện: anh Phạm Trần P và chị Lê Thị T đều có hộ khẩu thường trú tại xã Ninh Sở và hiện nay vẫn thường xuyên sinh sống tại địa P. Anh P và chị T đang sống ly thân, cháu Phạm Trần P Linh hiện đang ở với bố và ông bà nội.

Xác minh tại trường mầm non xã Ninh Sở cho thấy: cháu Phạm Trần P Linh, sinh ngày 27/10/2014 hiện đang theo học lớp mầm non 5 tuổi. Trong thời gian cháu theo học tại trường từ năm 2016 đến nay chỉ có bố cháu là anh Phạm Trần P và ông bà nội là người đưa đón cháu đi học, không khi nào thấy mẹ cháu đưa đón cháu. Học phí của cháu trung bình là 800.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng.

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện; áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: anh Phạm Trần P được ly hôn chị Lê Thị T. Về con chung, giao cháu Phạm Trần P Linh cho anh Phạm Trần P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng

nuôi con chung cho chị T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do nguyên đơn và bị đơn đều có HKTT tại thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, TP Hà Nội vì vậy căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Tín thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Trần P và chị Lê Thị T là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, TP Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, lối sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh P, chị T đều nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, đều thuận tình ly hôn nên Tòa án cần ghi nhận.

[3] Về con chung: anh P, chị T có 01 con chung là cháu Phạm Trần P Linh, sinh ngày 27/10/2014. Anh P và chị T đều có đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Linh.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và kết quả thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh P, chị T đều không thuộc trường hợp hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên; nguyện vọng được nuôi con của anh P, chị T là nguyện vọng chính đáng, hợp pháp. Anh P và chị T hiện đang có công việc ổn định với mức thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định tại thôn Xâm Dương 2, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, TP Hà Nội. Điều kiện về kinh tế, nơi ăn chỗ ở... đảm bảo cho việc nuôi con là ngang nhau. Tuy nhiên anh P có điều kiện thuận lợi hơn vì ở gần chỗ làm, nhà ở đều gần trường học của cháu Linh, thuận tiện hơn trong việc đưa đón cháu Linh đi học. Hơn nữa, từ nhỏ cháu Linh đã ở cùng bố và ông bà nội, được bố và ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Giữa cháu Linh với anh P và ông bà nội có sự gắn kết gần gũi hơn nên cần tiếp tục

giao cháu Linh cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tránh việc làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt của cháu, tạo điều kiện ổn định về tâm sinh lý và môi trường sống để cháu tiếp tục phát triển toàn diện.

Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Phạm Trần P Linh cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh P không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận việc tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh P và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đến khi có yêu cầu mới hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét .

[5] Về án phí: anh P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Trần P và chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trần P Linh, sinh ngày 27/10/2014 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đến khi có yêu cầu mới hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Trần P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp

tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0012220 ngày 02/03/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín. Anh P đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đoàn Lan Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đoàn Lan Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

